



VNU Journal of Foreign Studies

Journal homepage: <https://jfs.ulis.vnu.edu.vn/>

## COMPARISON OF THE EFFECTIVENESS OF ADMISSION METHODS THROUGH THE ANALYSIS OF FIRST-YEAR STUDENTS' ACADEMIC PERFORMANCE

Nguyen Thuy Lan\*, Nguyen Viet Hung, Nguyen Thu Trang

*Department of Academic Affairs, VNU University of Languages and International Studies,  
No.2 Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 19 December 2023

Revised 09 October 2024; Accepted 28 October 2024

**Abstract:** Admission to University of Languages and International Studies, Vietnam National University, Hanoi (ULIS, VNU) is one of the most competitive entry points in tertiary education in Vietnam. ULIS, VNU admissions committees need accurate and precise screening tools to select among well-qualified applicants. This study explores data from a cohort of 1659 first-year students in the academic year 2022-2023. Based on the results of university enrollment in 2022, the authors aim to compare the effectiveness of different selection methods in selecting potential candidates through the analysis of the academic results of the successful candidates after their first year at ULIS, VNU. Using mathematical statistical methods and analysis tools from the admission software and the training management software of the university, the research results are expected to identify which admission methods lead to better academic performance after the first year of study, thereby providing forecasts and proposing suitable candidates and admission methods.

**Keywords:** admission, predictivity validity, correlation, academic performance, educational measurement

---

\* Corresponding author.

Email address: [lanthuy.nguyen@gmail.com](mailto:lanthuy.nguyen@gmail.com)

<https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5192>

# SO SÁNH HIỆU QUẢ CÁC PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH THÔNG QUA THỐNG KÊ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT

Nguyễn Thúy Lan, Nguyễn Việt Hùng, Nguyễn Thu Trang

*Phòng Đào tạo, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội,  
Số 2 Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 19 tháng 12 năm 2023

Chỉnh sửa ngày 09 tháng 10 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 10 năm 2024

**Tóm tắt:** Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHNN, ĐHQGHN) là một trong những cơ sở giáo dục đại học có điểm đầu vào cạnh tranh nhất trong khối các trường đại học đào tạo ngoại ngữ và giáo viên ngoại ngữ tại Việt Nam. Hội đồng tuyển sinh của ĐHNN, ĐHQGHN cần các công cụ sàng lọc chính xác và hiệu quả để lựa chọn được đúng các ứng viên có tiềm năng. Nghiên cứu này khám phá dữ liệu từ một nhóm 1659 sinh viên năm thứ nhất trong năm học 2022-2023. Dựa trên kết quả tuyển sinh đại học chính quy năm 2022 của những sinh viên này, nhóm tác giả bước đầu đánh giá tính hiệu quả của các phương thức tuyển sinh trong việc tuyển chọn ra các ứng viên có chất lượng phù hợp thông qua phân tích kết quả học tập sau năm học đầu tiên của các em. Kết quả nghiên cứu kỳ vọng sẽ chỉ ra được đối tượng tuyển sinh nào có kết quả học tập sau năm học đầu tiên tốt hơn, từ đó đưa ra những dự báo, đề xuất các đối tượng, phương thức tuyển sinh phù hợp trong bối cảnh các cơ sở giáo dục được trao quyền tự chủ tuyển sinh.

*Từ khóa:* tuyển sinh, giá trị tiên đoán, tính tương quan, kết quả học tập, đo lường trong giáo dục

## 1. Mở đầu

Việt Nam là một trong những nước áp dụng hình thức thi tuyển sinh đại học từ rất lâu. Cho tới trước năm 2015, vẫn có hai kì thi lớn là thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và thi tuyển sinh đại học, được tổ chức cách nhau một thời gian ngắn cho cùng một đối tượng là học sinh lớp 12. Tuy nhiên, từ năm 2015, nhận thấy những nhược điểm và bất cập của hai kì thi này, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) đã quyết định gộp hai kì thi lại thành một kì thi tốt nghiệp THPT duy nhất (trước đây gọi là kì thi THPT Quốc gia) với hai mục đích: xét tốt nghiệp THPT và xét tuyển vào đại học, cao đẳng. Kì thi được tổ chức cùng lúc tại tất cả các địa phương trên cả nước, nhằm đảm bảo sự thống nhất trên toàn quốc.

Trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, các cơ sở giáo dục cần liên tục tìm hiểu, tìm kiếm những đối tượng tuyển sinh phù hợp với năng lực đào tạo và yêu cầu của chương trình đào tạo.

Nhằm đánh giá một cách khách quan, khoa học về độ chính xác và độ tin cậy của các phương thức tuyển sinh tìm ra những đối tượng tuyển sinh phù hợp với chương trình đào tạo của Trường, nghiên cứu được thực hiện để so sánh mức độ hiệu quả của các phương thức tuyển sinh khác nhau thông qua việc phân tích kết quả học tập của người học trúng tuyển sau năm thứ

<sup>o</sup> Nghiên cứu này được hoàn thành với sự hỗ trợ của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, mã số N.22.05.

nhất tại ĐHNH, ĐHQGHN.

Đối tượng nghiên cứu là phương thức tuyển sinh và kết quả học tập sau năm thứ nhất của người học. Đối tượng khảo sát là sinh viên năm thứ nhất khóa 2022 (tổng số sinh viên tham gia khảo sát là 1659 sinh viên). Nghiên cứu được thực hiện trong năm học 2022-2023, tập trung vào các hình thức xét tuyển được công bố trong Đề án tuyển sinh bậc đại học của Trường năm 2022, bao gồm: điểm thi THPT, giải học sinh giỏi, chứng chỉ ngoại ngữ, điểm thi đánh giá năng lực. Trong đó, xét tuyển bằng giải học sinh giỏi, chứng chỉ ngoại ngữ, điểm thi đánh giá năng lực được gọi chung theo thuật ngữ tuyển sinh là xét tuyển sớm.

## 2. Cơ sở lý luận

Khi nói đến tính giá trị của một hình thức kiểm tra đánh giá, Hughes phát biểu rằng: “một bài kiểm tra được coi là có giá trị nếu nó đo lường được những gì nó dự định đo lường” (Hughes, 2003, tr. 26). Khái niệm giá trị có thể được nhìn nhận từ nhiều góc độ khác nhau. Hughes (2003) phân loại tính giá trị thành bốn loại: giá trị nội dung, giá trị cấu trúc, giá trị bề mặt và giá trị liên quan đến tiêu chí (giá trị dự đoán và giá trị đồng thời). Về tính giá trị dự đoán, Brown (2004) khẳng định: “tính giá trị dự đoán của một hình thức kiểm tra đánh giá rất quan trọng trong trường hợp bài kiểm tra xếp lớp, bài đánh giá tuyển sinh, bài kiểm tra năng lực ngôn ngữ, v.v.,” (tr. 24). Ông cũng lập luận rằng tính giá trị tiên đoán là khả năng của một bài kiểm tra dự đoán khả năng thành công trong tương lai của thí sinh.

Rất nhiều nghiên cứu cho thấy rằng kết quả bài thi chuẩn hóa (ví dụ: SAT, ACT) có khả năng dự đoán hạn chế thành tích học tập bậc đại học (Burton & Ramist, 2001; Camara & Kimmel, 2005; Hoffman & Lowitzki, 2005; Kobrin và cộng sự, 2008). Ngoài ra, các nhà nghiên cứu cho rằng việc sử dụng các công cụ dự đoán như kết quả bài thi chuẩn hóa có thể làm trầm trọng thêm sự mất công bằng trong khả năng tiếp cận giáo dục đại học (Camara & Kimmel, 2005; Soares, 2012; Zwick, 2011). Các học giả cũng lưu ý rằng điểm các bài thi sử dụng trong tuyển sinh có thể đo lường khả năng nhận thức; tuy nhiên, thành công ở trường đại học đòi hỏi nhiều kỹ năng nhận thức và thuộc tính phi nhận thức khác (Camara & Kimmel, 2005). Ngoài ra, nhiều nghiên cứu trước đây phê phán các hình thức tuyển sinh bằng điểm trung bình cấp trung học (Allensworth & Clark, 2020) do sự khác biệt lớn trong các tiêu chuẩn chấm điểm ở các trường trung học (Atkinson & Geiser, 2009; Camara & Kimmel, 2005). Như vậy, có thể thấy các nghiên cứu trên thế giới đều thống nhất ở một hướng khi cho rằng: các bài thi chuẩn hóa hay kết quả học tập bậc trung học có thể chưa phải là một công cụ hiệu quả để tuyển chọn các thí sinh tiềm năng cho việc học tập tại bậc đại học.

Tại Việt Nam hiện nay, không có nhiều nghiên cứu được thực hiện liên quan đến việc đối sánh giữa kết quả tuyển sinh đầu vào và kết quả học tập sau năm học đầu tiên của sinh viên. Bộ GD&ĐT chỉ có một vài phân tích, đánh giá sơ bộ về phổ điểm thi các môn thi THPT qua các năm, xu hướng đăng ký xét tuyển và lựa chọn ngành nghề của thí sinh qua các năm, từ đó đưa ra dự báo về xu hướng chọn ngành, chọn nghề, giúp các cơ sở giáo dục đại học có những định hướng trong việc mở ngành, phát triển chương trình đào tạo để phù hợp với xu thế, nhu cầu của xã hội trong giai đoạn tiếp theo. Tại ĐHNH, ĐHQGHN, cũng chưa có nghiên cứu nào tìm hiểu sâu về các phương thức xét tuyển và tính tiên đoán về sự thành công của người học bậc đại học. Vì vậy, nghiên cứu này là một nỗ lực bước đầu nhằm đánh giá mức độ hiệu quả của các hình thức xét tuyển (điểm thi THPT, giải học sinh giỏi, chứng chỉ ngoại ngữ, điểm thi đánh giá năng lực) trong việc lựa chọn đúng ứng viên tiềm năng thông qua việc so sánh điểm trung bình học tập ở năm thứ nhất của sinh viên tại ĐHNH, ĐHQGHN.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ 1659 sinh viên đại học năm thứ nhất tại ĐHNN, ĐHQGHN, bao gồm sinh viên của 13 ngành đào tạo khác nhau tại Trường. Mỗi nhóm sinh viên theo từng ngành đào tạo được chia thành hai nhóm: nhóm trúng tuyển bằng điểm của kỳ thi THPT và nhóm trúng tuyển bằng các phương thức xét tuyển sớm như: tuyển thẳng bằng giải của các kỳ thi học sinh giỏi các cấp, xét tuyển bằng các chứng chỉ ngoại ngữ và điểm bài thi đánh giá năng lực (ĐGNL) của ĐHQGHN.

Biến số được sử dụng trong nghiên cứu bao gồm: điểm trung bình học tập của sinh viên trong năm thứ nhất (gồm hai học kỳ).

Số liệu về kết quả các phương thức tuyển sinh đại học được lấy từ báo cáo tuyển sinh đại học năm 2022 của ĐHNN, ĐHQGHN. Kết quả học tập của sinh viên năm thứ nhất được trích xuất từ phần mềm quản lý đào tạo của ĐHNN, ĐHQGHN.

### 4. Kết quả nghiên cứu

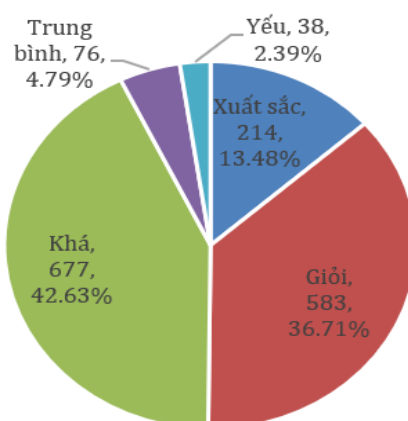
Để thực hiện thống kê kết quả học tập, nghiên cứu áp dụng phân loại kết quả học tập theo quy chế đào tạo đại học ban hành theo Quyết định số 3626/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc ĐHQGHN như sau:

- Xuất sắc: Điểm trung bình chung học kỳ từ 3,60 đến 4,00
- Giỏi: Điểm trung bình chung học kỳ từ 3,20 đến 3,59
- Khá: Điểm trung bình chung học kỳ từ 2,50 đến 3,19
- Trung bình: Điểm trung bình chung học kỳ từ 2,00 đến 2,49
- Yếu: Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,0 nhưng chưa thuộc trường hợp bị buộc thôi học.

Với cách phân loại trên, biểu đồ 1 thể hiện điểm trung bình chung học tập sau năm học thứ nhất (02 học kỳ) của 1659 sinh viên ĐHNN, ĐHQGHN khóa QH.2022.F1.

#### Biểu đồ 1

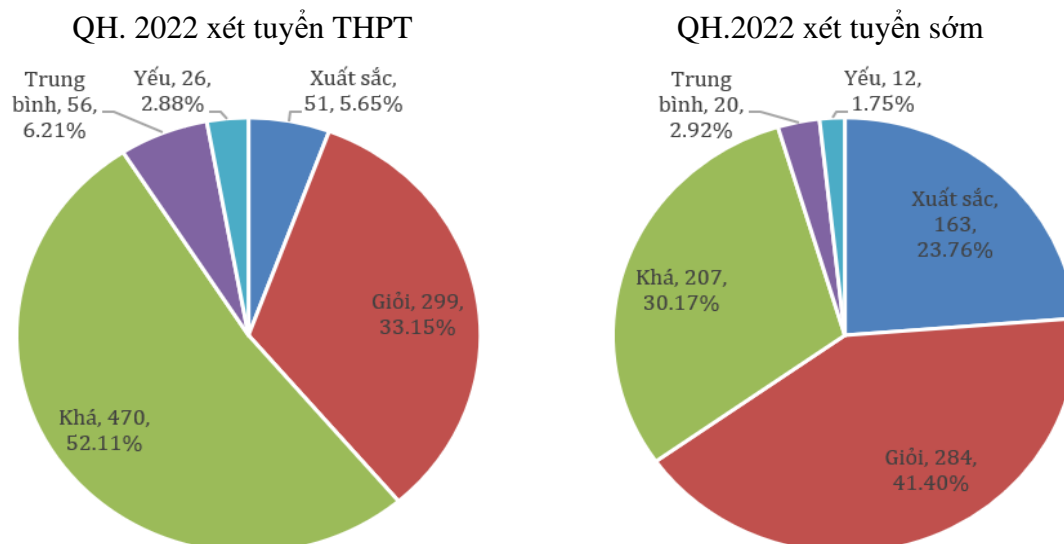
Điểm trung bình chung học tập của sinh viên khóa QH.2022



Về tổng quan, có thể thấy tỉ lệ sinh viên đạt kết quả học tập từ loại Giỏi trở lên chiếm hơn một nửa (50,19%), trong đó, tỉ lệ sinh viên đạt loại Xuất sắc chiếm gần 13,48%, tỉ lệ đạt loại Giỏi chiếm 36,71%. Có thể thấy đây là phân bố tương đối hợp lý về tỉ lệ các mức xếp loại học tập của sinh viên năm thứ nhất toàn trường trong năm học 2022-2023.

**Biểu đồ 2**

So sánh điểm trung bình chung học tập của sinh viên khóa QH.2022 với hai phương thức xét tuyển



Ở biểu đồ 2, nghiên cứu so sánh kết quả học tập sau năm thứ nhất của đối tượng sinh viên khóa QH.2022 được xét tuyển bằng hai phương thức: xét tuyển bằng điểm THPT và các phương thức xét tuyển sớm. Có thể thấy, sinh viên xét tuyển bằng các phương thức xét tuyển sớm có xu hướng có kết quả học tập vượt trội hơn sinh viên xét tuyển bằng kết quả thi THPT. Cụ thể, tỉ lệ sinh viên đạt loại Giỏi trở lên chiếm hơn một nửa (65,16%), trong đó, tỉ lệ sinh viên đạt loại Xuất sắc chiếm gần ¼ (23,76%), tỉ lệ sinh viên đạt loại Giỏi là 41,4%. Tỉ lệ này của đối tượng xét tuyển bằng kết quả thi THPT chưa đến một nửa (38,8%), tỉ lệ sinh viên đạt loại Xuất sắc rất khiêm tốn (5,65%). Sinh viên trúng tuyển bằng các phương thức xét tuyển sớm bao gồm: sinh viên được xét tuyển bằng kết quả thi học sinh giỏi các cấp, xét tuyển bằng các chứng chỉ ngoại ngữ trong và ngoài nước cũng như xét tuyển bằng kết quả bài thi ĐGNL của ĐHQGHN.

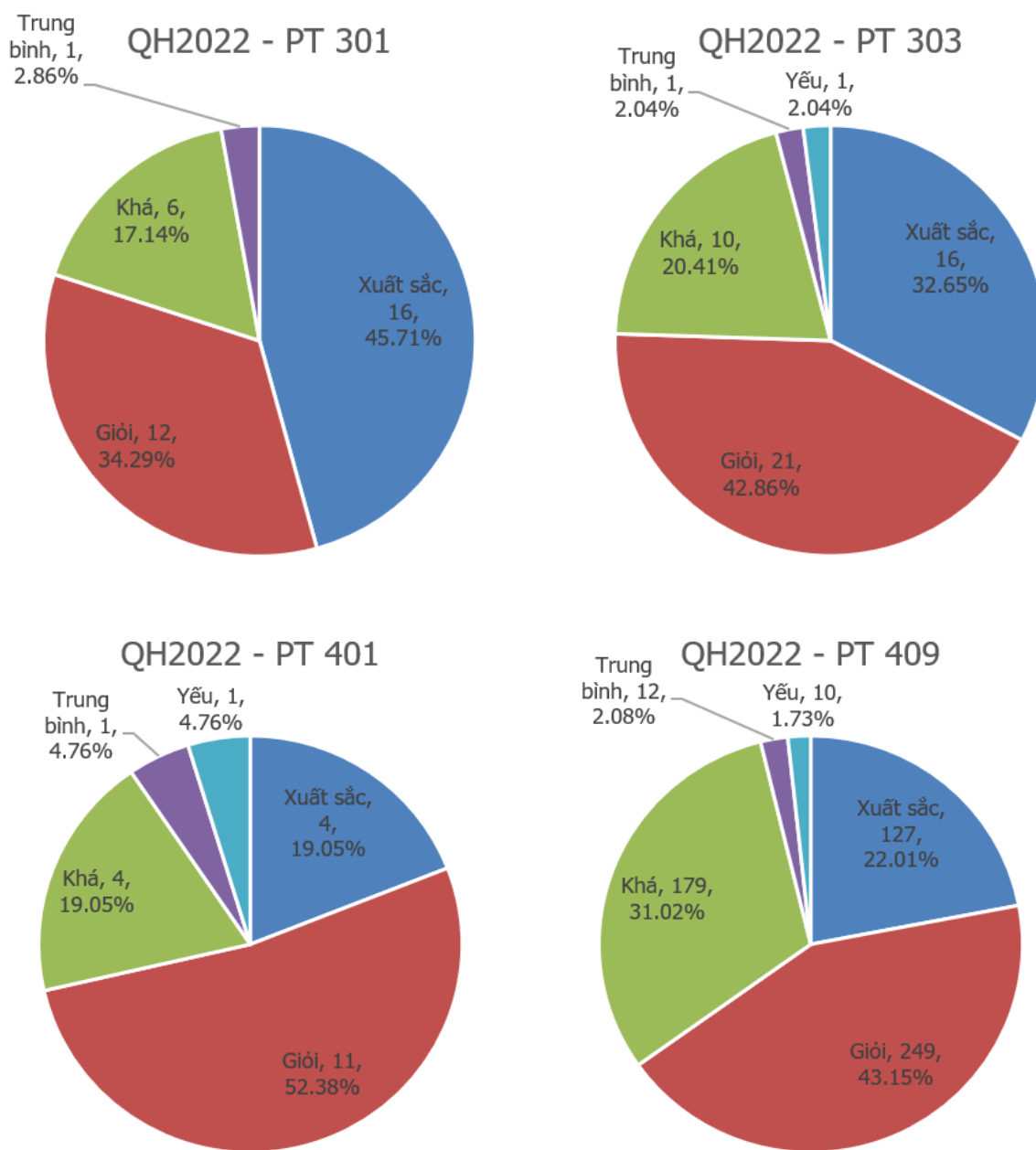
Để thực hiện thống kê kết quả học tập theo từng phương thức xét tuyển, nghiên cứu áp dụng phân loại phương thức xét tuyển theo Thông báo tuyển sinh đại học năm 2022 ban hành theo Thông báo số 850/TB-ĐHNN ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng ĐHNN, ĐHQGHN như sau:

- a) Phương thức 100: bao gồm thí sinh xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT;
- b) Phương thức 301: bao gồm thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kì thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia;
- c) Phương thức 303: bao gồm thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kì thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố, kì thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN môn ngoại ngữ;
- d) Phương thức 401: bao gồm thí sinh có kết quả bài thi ĐGNL của ĐHQGHN đạt từ 80/150 điểm trở lên;
- e) Phương thức 409: bao gồm thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ trong và ngoài nước (ví dụ như VSTEP, IELTS, HSK, JLPT, TOPIK,...) đáp ứng quy định theo thông báo tuyển sinh của Trường.

Với cách phân loại trên, biểu đồ 3 thể hiện điểm trung bình chung học tập sau năm học thứ nhất của sinh viên khóa QH.2022 tại ĐHNN, ĐHQGHN.

**Biểu đồ 3**

*So sánh điểm trung bình chung học tập của sinh viên với các phương thức xét tuyển khác nhau*



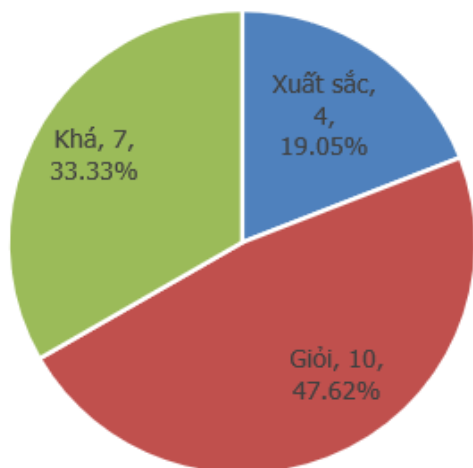
Có thể thấy, thí sinh trúng tuyển bằng kết quả thi học sinh giỏi cấp quốc gia có kết quả học tập có xu hướng vượt trội hơn so với các đối tượng khác, tỉ lệ đạt loại Xuất sắc chiếm gần một nửa (45,71%), tỉ lệ đạt loại Giỏi là 34,29%. Tiếp theo là đến thí sinh trúng tuyển bằng kết quả thi học sinh giỏi các cấp, kết quả bài thi ĐGNL của ĐHQGHN và trúng tuyển bằng các chứng chỉ ngoại ngữ. Nhìn chung, các đối tượng này đều có tỉ lệ đạt loại Giỏi trở lên chiếm khoảng 75%.

**4.1. Đối sánh kết quả học tập của ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh**

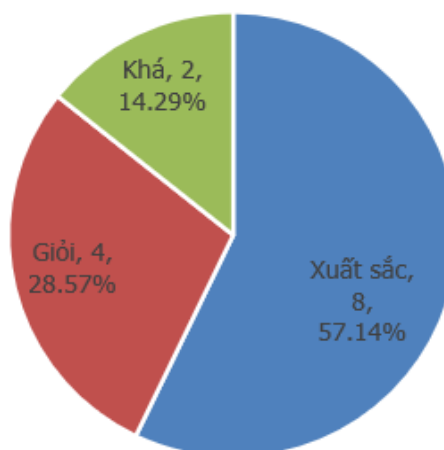
**Biểu đồ 4**

So sánh điểm trung bình chung học tập của sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh với các phương thức xét tuyển khác nhau

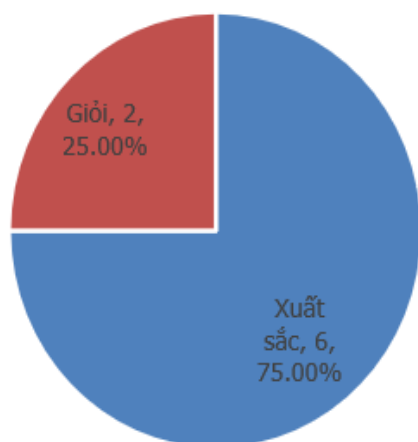
QH2022 SP Anh - PT 100



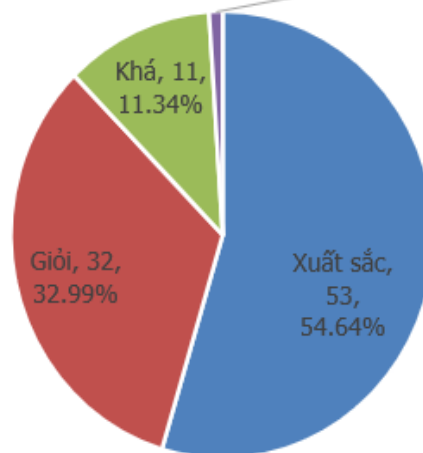
QH2022 SP Anh - PT 301



QH2022 SP Anh - PT 303



QH2022 SP Anh - PT 409 Trung bình, 1, 1.03%

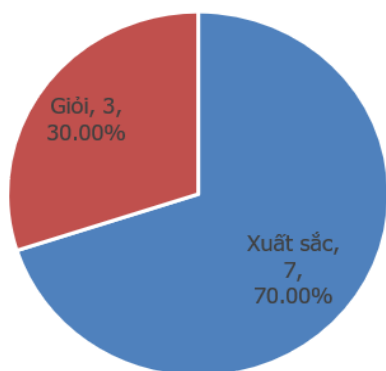


Từ biểu đồ 4, có thể thấy kết quả học tập của thí sinh xét tuyển bằng các phương thức xét tuyển sớm có tỉ lệ đạt loại Giỏi trở lên có xu hướng vượt trội hơn hẳn so với kết quả học tập của thí sinh xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT. Nổi trội có thể thấy thí sinh xét tuyển bằng phương thức 303 - thí sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố, kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN có tỉ lệ đạt loại Xuất sắc cao nhất (75%), tiếp theo là đến thí sinh xét tuyển bằng phương thức 301 - thí sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia (57,14%) và phương thức 409 - thí sinh có chứng chỉ IELTS, VSTEP (54,64%).

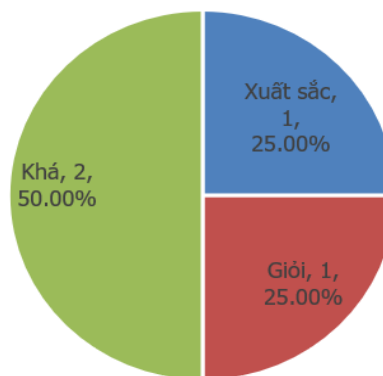
**Biểu đồ 5**

*So sánh điểm trung bình chung học tập của sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia môn tiếng Anh và các môn ngoài tiếng Anh*

QH2022 SP Anh - PT 301  
Giải T.Anh



QH2022 SP Anh - PT 301  
Giải # T.Anh

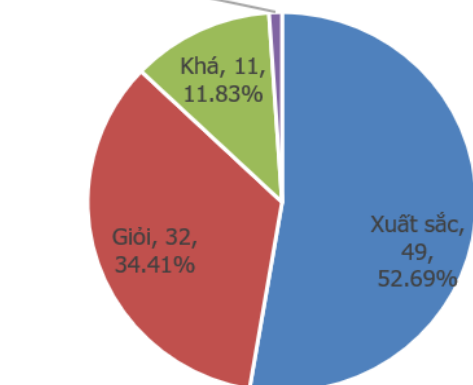


Trong phương thức 301, có hai đối tượng xét tuyển là thí sinh đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn tiếng Anh và các môn ngoài tiếng Anh. Nếu phân tích kỹ hơn, có thể thấy đối tượng xét tuyển bằng giải môn tiếng Anh có kết quả học tập vượt trội hơn so với các môn khác, tỉ lệ đạt loại Xuất sắc là 70%, đạt loại Giỏi là 30%, hoàn toàn không có sinh viên có kết quả học tập từ loại Khá trở xuống. Đây là đối tượng xét tuyển theo ngành đúng, là nguồn tuyển sinh chất lượng cao với số lượng hàng năm tương đối ít và cần chú trọng đặc biệt.

**Biểu đồ 6**

*So sánh điểm trung bình chung học tập của sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh xét tuyển bằng chứng chỉ IELTS và VSTEP*

QH2022 SP Anh - PT 409  
IELTS



QH2022 SP Anh - PT 409  
VSTEP

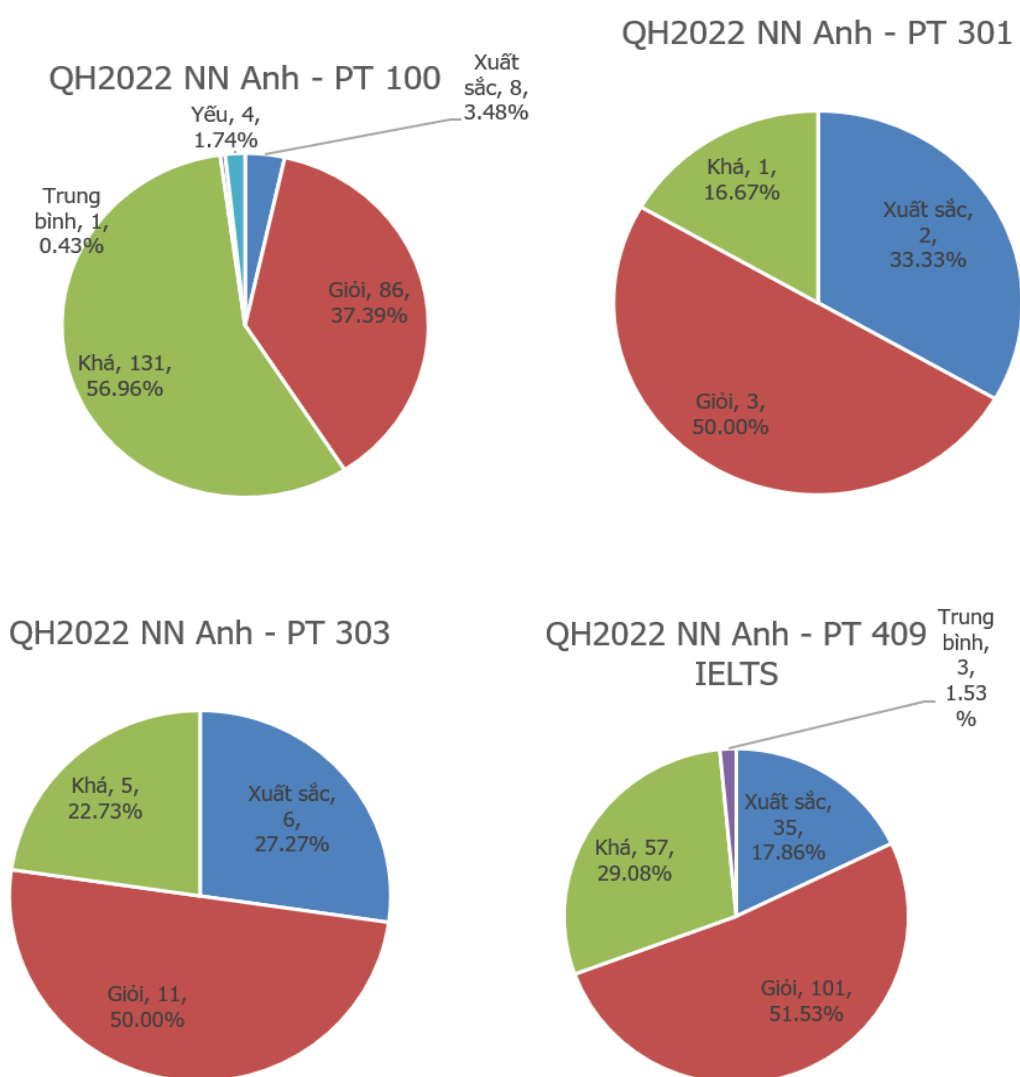




Năm 2022 là năm đầu tiên ĐHNN, ĐHQGHN sử dụng chứng chỉ VSTEP để xét tuyển sớm; tuy nhiên, thí sinh cần tham dự kì thi dành riêng cho đối tượng xét tuyển đại học do ĐHNN, ĐHQGHN tổ chức và đạt trình độ VSTEP C1 trở lên để có thể xét tuyển vào ngành Sư phạm tiếng Anh. Có thể thấy, số lượng thí sinh trúng tuyển bằng chứng chỉ VSTEP không nhiều, song kết quả học tập rất tốt, đều đạt loại Xuất sắc, chứng tỏ đây là đối tượng tuyển sinh chất lượng cao, cần tiếp tục mở rộng và duy trì đối tượng này. Bên cạnh đó, đối tượng xét tuyển bằng chứng chỉ IELTS cũng có kết quả tương đối tốt với các thí sinh có chứng chỉ IELTS từ 7.5 trở lên, trong đó tỉ lệ có kết quả học tập đạt loại Xuất sắc chiếm hơn một nửa (52,69%), tỉ lệ đạt loại Giỏi chiếm 34,41%.

**Biểu đồ 7**

*So sánh điểm trung bình chung học tập của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh với các phương thức xét tuyển khác nhau*



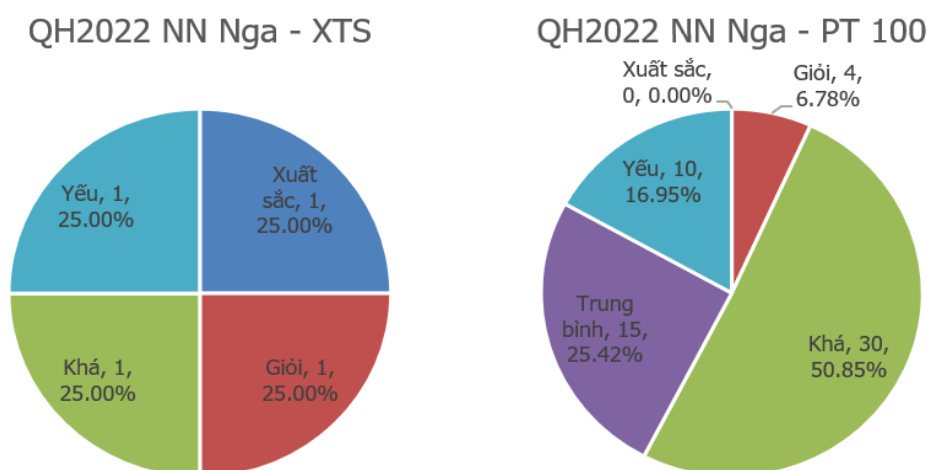
Đối với ngành Ngôn ngữ Anh, có thể nhận thấy kết quả tương tự với ngành Sư phạm tiếng Anh khi kết quả học tập của các thí sinh trúng tuyển bằng các phương thức xét tuyển sớm có xu hướng vượt trội hơn so với thí sinh trúng tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT. Tỉ lệ kết quả học tập đạt loại Giỏi trở lên chiếm khoảng 3/4, trong đó, tỉ lệ đạt loại Xuất sắc dao động

từ 17,86% đến 33,33% và tỉ lệ đạt loại Giỏi luôn chiếm hơn 50%.

#### 4.2. Đối sánh kết quả học tập của ngành Ngôn ngữ Nga

##### Biểu đồ 8

So sánh điểm trung bình chung học tập của sinh viên ngành Ngôn ngữ Nga với hai phương thức xét tuyển khác nhau

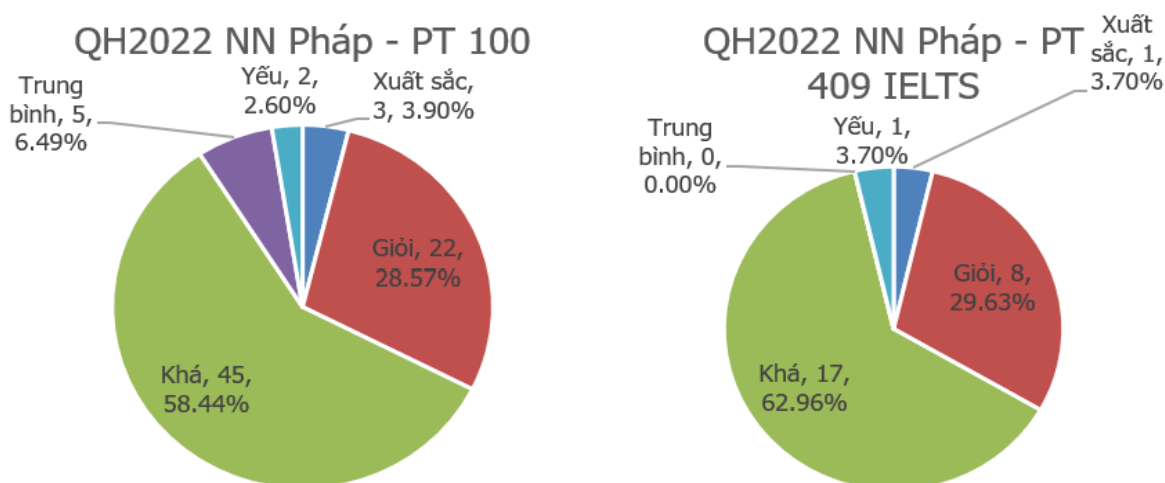


Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của ngành Ngôn ngữ Nga luôn giữ ổn định ở mức 70 sinh viên/năm chia thành 2 lớp. Đối với các ngoại ngữ ngoài tiếng Anh, sinh viên sẽ được đào tạo từ đầu và có thể xét tuyển đầu vào bằng tiếng Anh. Qua biểu đồ 8, ta thấy đối tượng xét tuyển sớm vẫn có kết quả tốt và ổn định hơn so với đối tượng xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT (tỉ lệ đạt loại Giỏi trở lên chiếm 50%).

#### 4.3. Đối sánh kết quả học tập của ngành Ngôn ngữ Pháp

##### Biểu đồ 9

So sánh điểm trung bình chung học tập của sinh viên ngành Ngôn ngữ Pháp với hai phương thức xét tuyển khác nhau



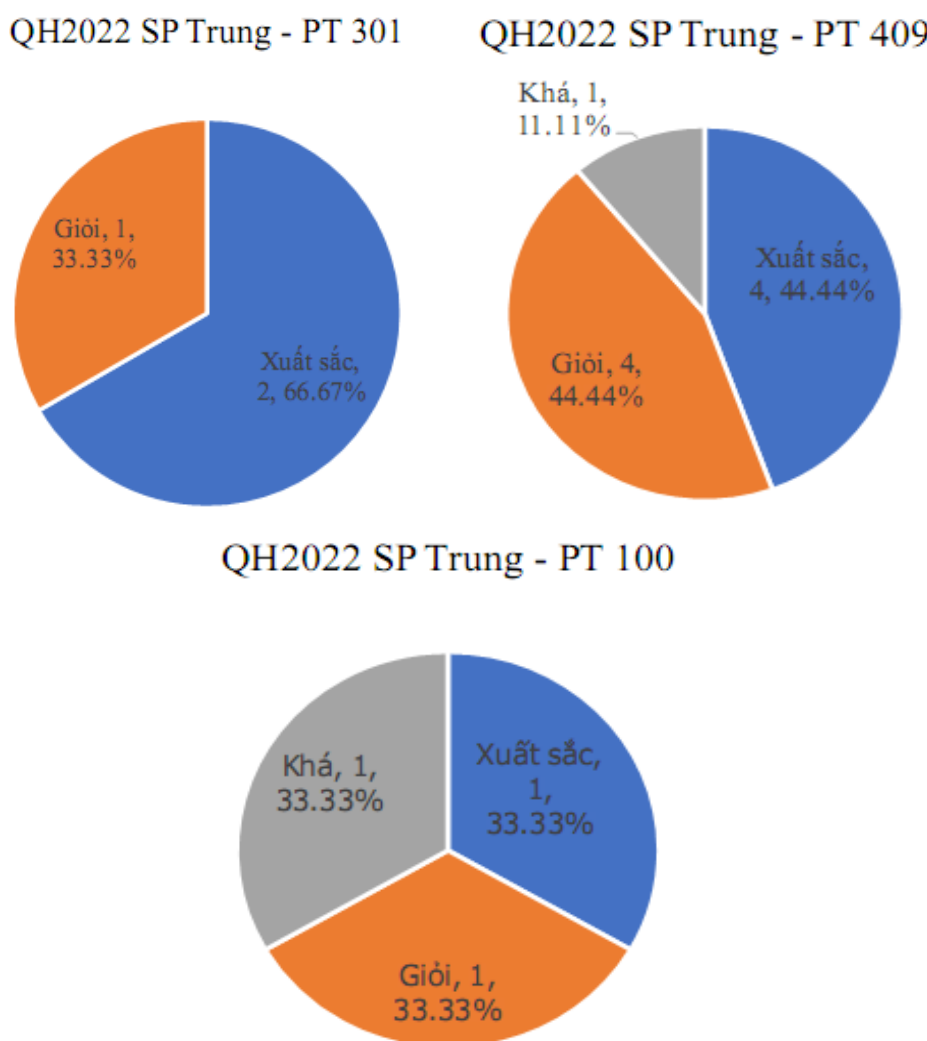
Từ biểu đồ 9, ta thấy kết quả học tập của thí sinh trúng tuyển bằng phương thức xét tuyển sớm và phương thức xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT có sự tương đồng, không

có sự chênh lệch quá lớn giữa hai đối tượng này. Đối tượng xét tuyển bằng chứng chỉ IELTS có kết quả học tập khá hơn một chút, khi tỉ lệ sinh viên đạt loại Khá chiếm 62,96% và không có sinh viên đạt loại Trung bình.

**4.4. Đối sánh kết quả học tập của ngành Ngôn ngữ Trung Quốc và Sư phạm tiếng Trung Quốc**

**Biểu đồ 10**

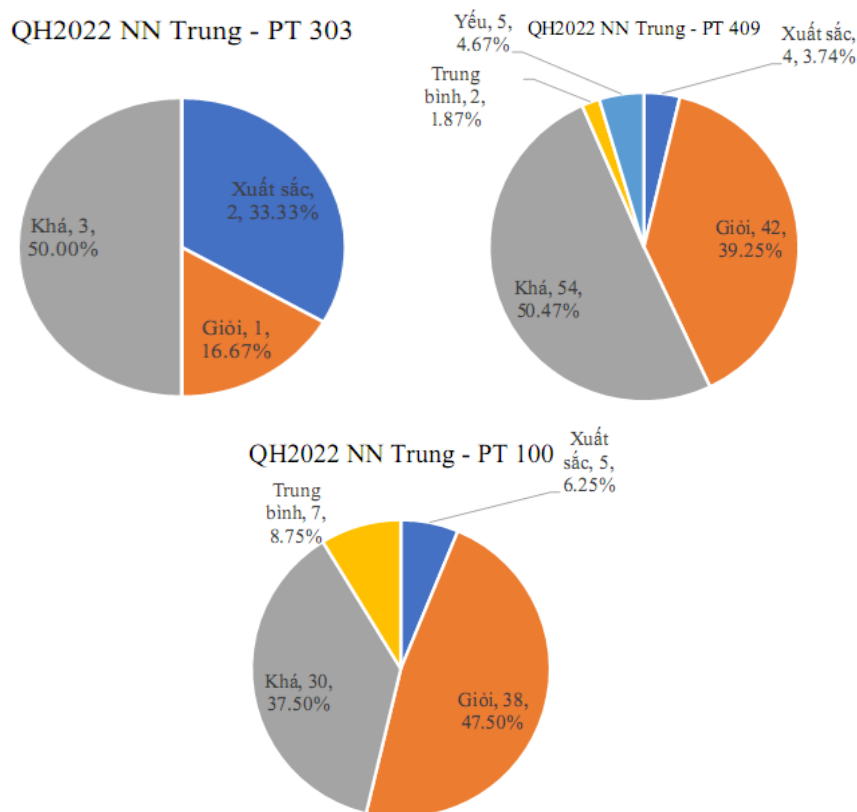
*So sánh điểm trung bình chung học tập của sinh viên ngành Sư phạm tiếng Trung Quốc với các phương thức xét tuyển khác nhau*



Ngành Sư phạm tiếng Trung Quốc là một trong những ngành luôn có điểm chuẩn trúng tuyển cao nhất tại ĐHNN, ĐHQGHN. Nhìn vào biểu đồ 10, có thể thấy một màu sắc bao phủ quen thuộc khi tỉ lệ sinh viên đạt loại Xuất sắc của các phương thức xét tuyển sớm chiếm ưu thế hơn so với phương thức xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT, chiếm từ 44,44% đến 66,67%, còn lại chủ yếu là xếp loại Giỏi. Tuy nhiên, chất lượng của thí sinh trúng tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT cũng không tồi, khi kết quả học tập được trải đều từ loại Xuất sắc đến Khá, không có xếp loại Trung bình hay Yếu. Điều này cũng chứng minh cho lí do vì sao điểm chuẩn trúng tuyển của ngành luôn thuộc top 1 tại Trường.

**Biểu đồ 11**

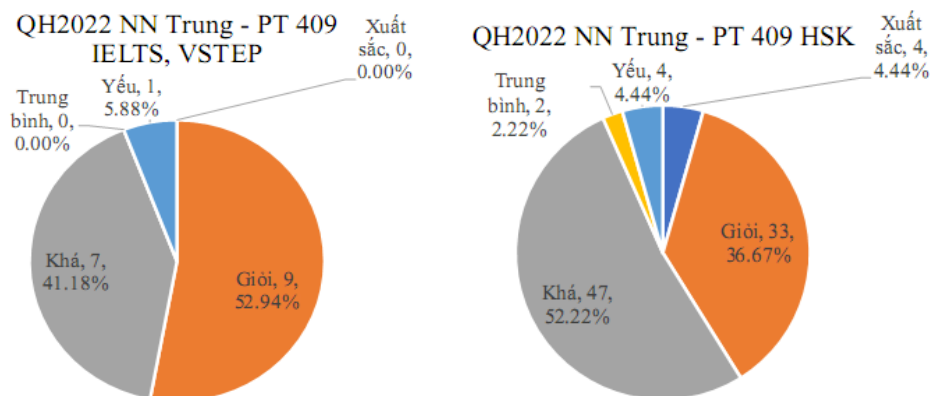
*So sánh điểm trung bình chung học tập của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc với các phương thức xét tuyển khác nhau*



Từ biểu đồ 11, ta thấy kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT tốt hơn so với các phương thức xét tuyển sớm khác, trong đó, tỉ lệ sinh viên đạt loại Giỏi trở lên là 53,75%, tỉ lệ này ở các phương thức xét tuyển sớm đạt từ 50% trở xuống. Tuy nhiên, tỉ lệ sinh viên đạt kết quả loại Xuất sắc của các đối tượng xét tuyển sớm cao hơn (dao động từ 3,74% đến 33,33%) so với tỉ lệ này của đối tượng xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT (6,25%).

**Biểu đồ 12**

*So sánh điểm trung bình chung học tập của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc xét tuyển bằng chứng chỉ tiếng Anh và chứng chỉ tiếng Trung*

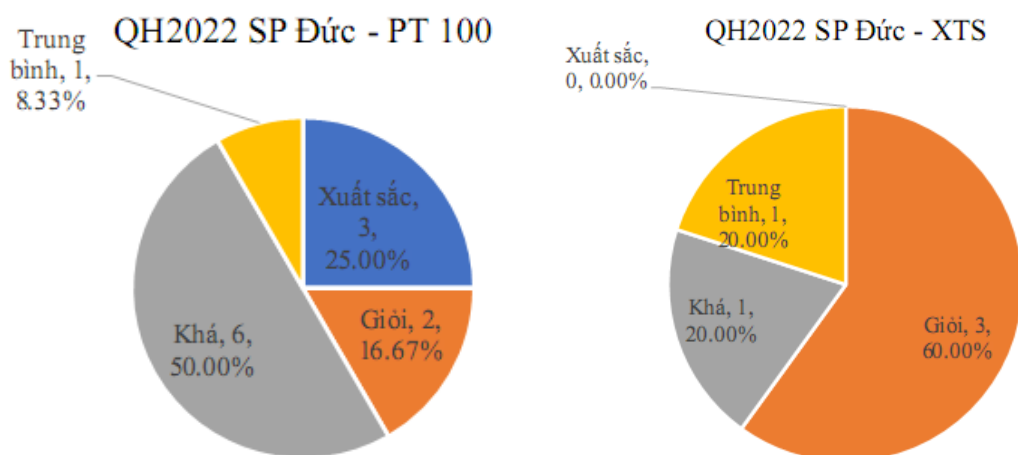


Từ biểu đồ 12, có thể thấy thí sinh trúng tuyển bằng chứng chỉ tiếng Anh (IELTS, VSTEP) có kết quả học tập tốt hơn so với thí sinh trúng tuyển bằng chứng chỉ tiếng Trung (HSK). Trong đó, tỉ lệ đạt kết quả loại Giỏi trở lên của thí sinh trúng tuyển bằng chứng chỉ tiếng Anh chiếm hơn một nửa (52,94%), tỉ lệ này của thí sinh trúng tuyển bằng chứng chỉ tiếng Trung chỉ đạt 41,11%.

**4.5. Đối sánh kết quả học tập của ngành Ngôn ngữ Đức và Sư phạm tiếng Đức**

**Biểu đồ 13**

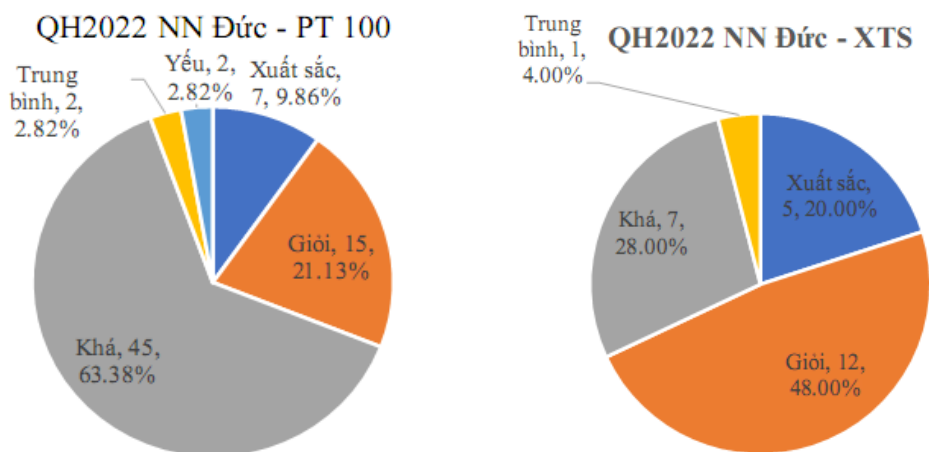
*So sánh điểm trung bình chung học tập của sinh viên ngành Sư phạm tiếng Đức xét tuyển bằng các phương thức xét tuyển khác nhau*



Qua biểu đồ 13, ta thấy tỉ lệ sinh viên đạt kết quả học tập loại Xuất sắc của thí sinh trúng tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT cao hơn (25%), tuy nhiên, xét tỉ lệ đạt loại Giỏi trở lên thì đối tượng xét tuyển sớm có xu hướng có kết quả vượt trội hơn (60%).

**Biểu đồ 14**

*So sánh điểm trung bình chung học tập của sinh viên ngành Ngôn ngữ Đức xét tuyển bằng các phương thức xét tuyển khác nhau*



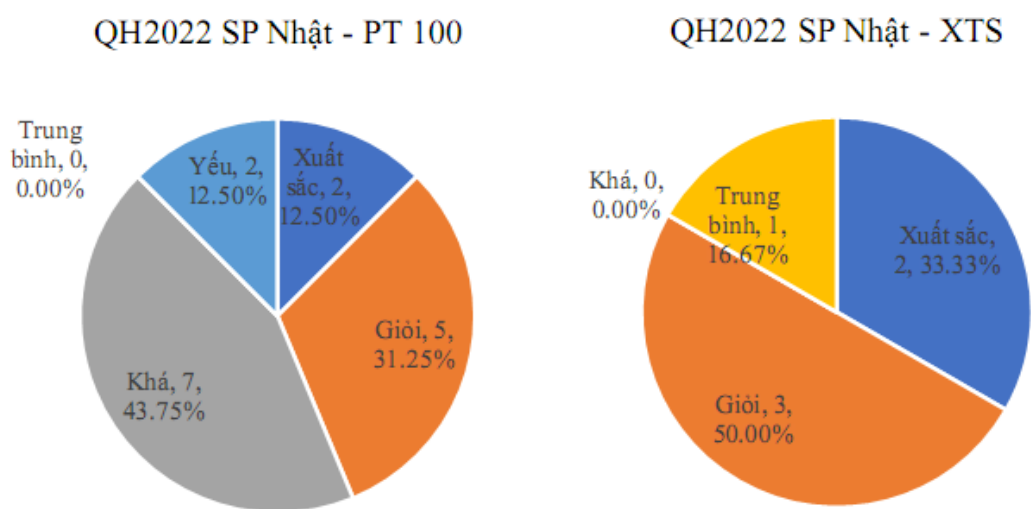
Đối tượng xét tuyển sớm của ngành Ngôn ngữ Đức bao gồm: các thí sinh xét tuyển bằng kết quả thi học sinh giỏi các cấp, thí sinh xét tuyển bằng chứng chỉ tiếng Anh hoặc tiếng Đức. Qua biểu đồ 14, ta thấy tỉ lệ sinh viên đạt kết quả loại Giỏi trở lên của thí sinh xét tuyển sớm vượt trội hơn so với thí sinh xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT, trong đó, tỉ lệ đạt loại

Xuất sắc là 20%, tỉ lệ đạt loại Giỏi là 48%, còn tỉ lệ đạt loại Xuất sắc của thí sinh xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT là 9,86%, tỉ lệ đạt loại Giỏi là 21,13%. Tỉ lệ sinh viên đạt loại Trung bình, Yếu của đối tượng xét tuyển sớm cũng ít hơn so với đối tượng xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT, đảm bảo chất lượng của nguồn tuyển sinh này ổn định hơn.

**4.6. Đối sánh kết quả học tập của ngành Ngôn ngữ Nhật và Sư phạm tiếng Nhật**

**Biểu đồ 15**

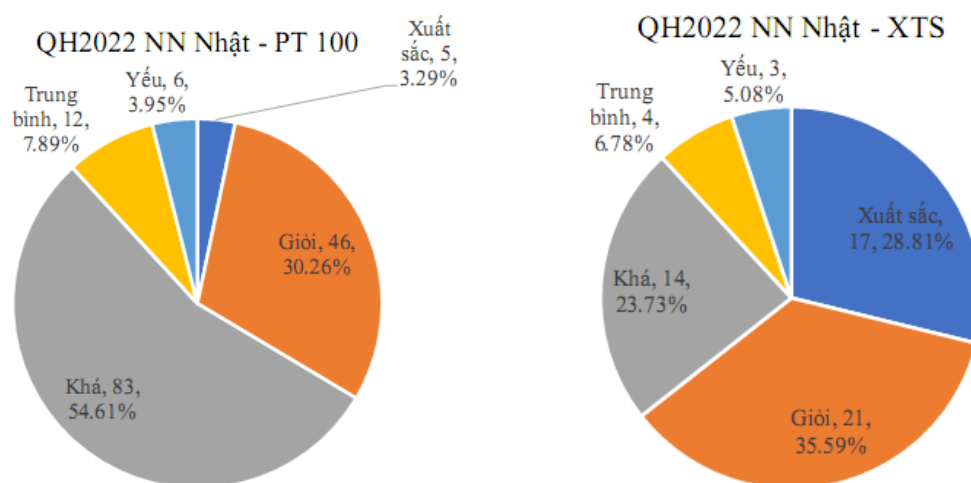
*So sánh điểm trung bình chung học tập của sinh viên ngành Sư phạm tiếng Nhật với các phương thức xét tuyển khác nhau*



Từ biểu đồ 15, có thể thấy tỉ lệ sinh viên đạt kết quả học tập từ loại Giỏi trở lên của đối tượng xét tuyển sớm có xu hướng vượt trội hơn so với đối tượng xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT. Trong đó, tỉ lệ đạt loại Xuất sắc của thí sinh xét tuyển sớm là 33,33%, đạt loại Giỏi là 50%, tỉ lệ đạt loại Xuất sắc của thí sinh xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT là 12,5%, đạt loại Giỏi là 31,25%.

**Biểu đồ 16**

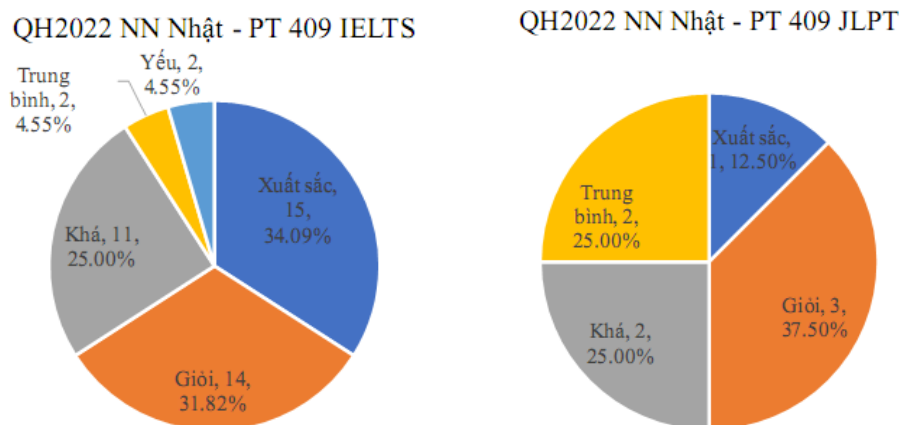
*So sánh điểm trung bình chung học tập của sinh viên ngành Ngôn ngữ Nhật với các phương thức xét tuyển khác nhau*



Qua biểu đồ 16, ta thấy tương tự với đa số các ngành đào tạo khác, tỉ lệ sinh viên đạt kết quả học tập từ loại Giỏi trở lên của đối tượng xét tuyển sớm vượt trội hơn so với đối tượng xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT. Trong đó, tỉ lệ sinh viên đạt loại Xuất sắc của đối tượng xét tuyển sớm là 28,81%, đạt loại Giỏi là 35,59%, còn tỉ lệ đạt loại Xuất sắc của đối tượng xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT là 3,29%, đạt loại Giỏi là 30,26%.

**Biểu đồ 17**

*So sánh điểm trung bình chung học tập của sinh viên ngành Ngôn ngữ Nhật xét tuyển bằng chứng chỉ tiếng Anh và tiếng Nhật*

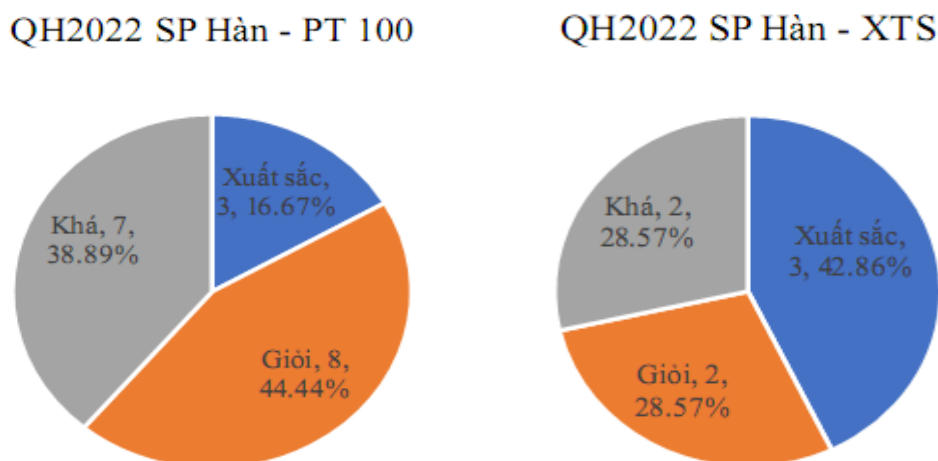


Đối tượng xét tuyển bằng chứng chỉ ngoại ngữ vào ngành Ngôn ngữ Nhật bao gồm thí sinh xét tuyển bằng chứng chỉ tiếng Anh (IELTS) và chứng chỉ tiếng Nhật (JLPT). Qua biểu đồ 17, ta thấy tỉ lệ sinh viên đạt kết quả học tập loại Xuất sắc của đối tượng xét tuyển bằng chứng chỉ IELTS cao hơn so với đối tượng xét tuyển bằng chứng chỉ JLPT. Trong đó, tỉ lệ đạt loại Xuất sắc của thí sinh xét tuyển bằng chứng chỉ IELTS là 34,09%, đạt loại Giỏi là 31,82%, còn tỉ lệ đạt loại Xuất sắc của thí sinh xét tuyển bằng chứng chỉ JLPT là 12,5%, đạt loại Giỏi là 37,5%.

**4.7. Đối sánh kết quả học tập của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc và Sư phạm tiếng Hàn Quốc**

**Biểu đồ 18**

*So sánh điểm trung bình chung học tập của sinh viên ngành Sư phạm tiếng Hàn Quốc với các phương thức xét tuyển khác nhau*

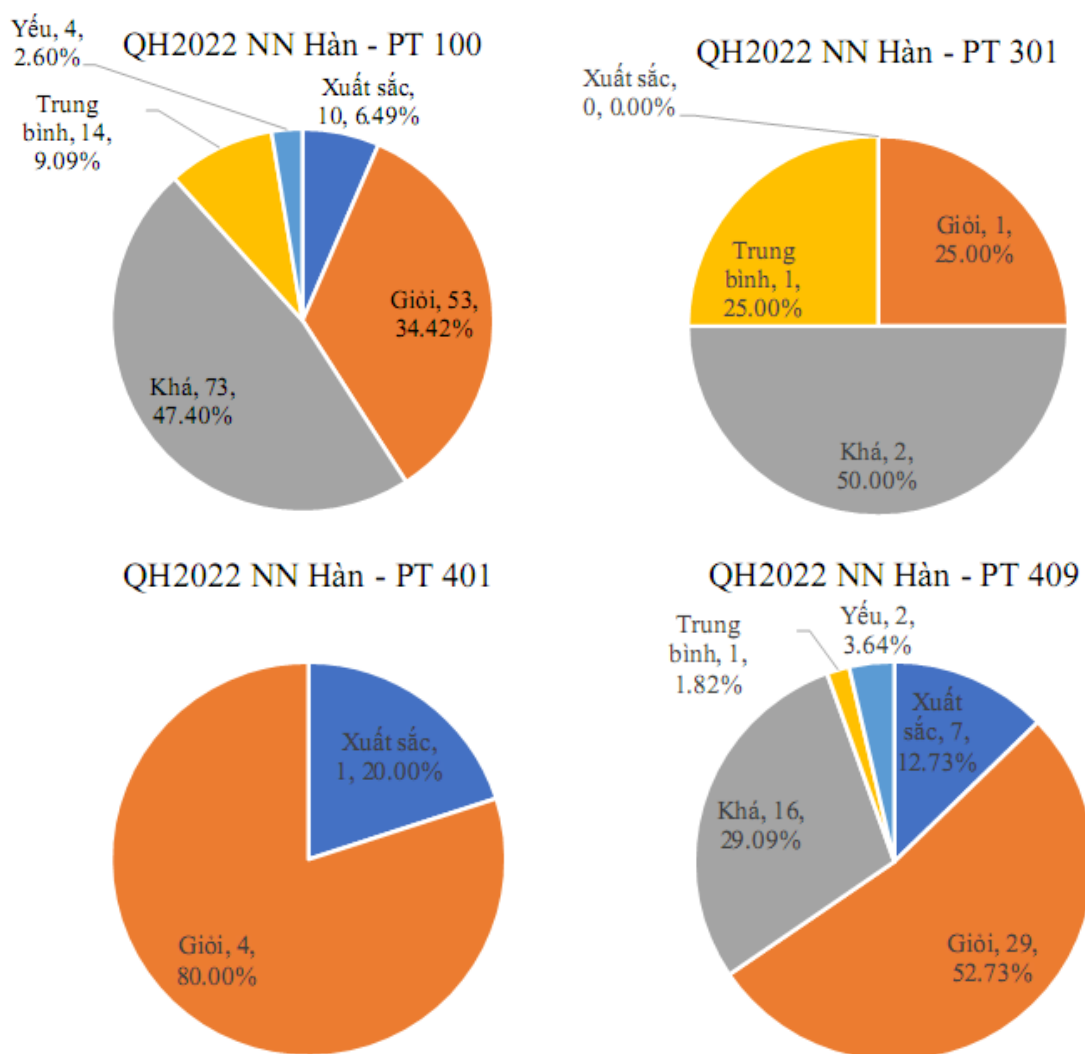




Qua biểu đồ 18, ta thấy tỉ lệ sinh viên đạt kết quả học tập loại Xuất sắc của đối tượng xét tuyển sớm cao hơn tỉ lệ của đối tượng xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT. Trong đó, tỉ lệ đạt loại Xuất sắc của đối tượng xét tuyển sớm chiếm gần một nửa (42,86%), tỉ lệ đạt loại Giỏi là 28,57%, còn tỉ lệ đạt loại Xuất sắc của đối tượng xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT là 16,67%, tỉ lệ đạt loại Giỏi là 44,44%. Ngành Sư phạm tiếng Hàn Quốc là một trong những ngành có điểm chuẩn thuộc top đầu của ĐHNN, ĐHQGHN, vì vậy, ta cũng không thấy xuất hiện sinh viên đạt loại Trung bình, Yếu trong nghiên cứu này.

**Biểu đồ 19**

*So sánh điểm trung bình chung học tập của sinh viên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc với các phương thức xét tuyển khác nhau*

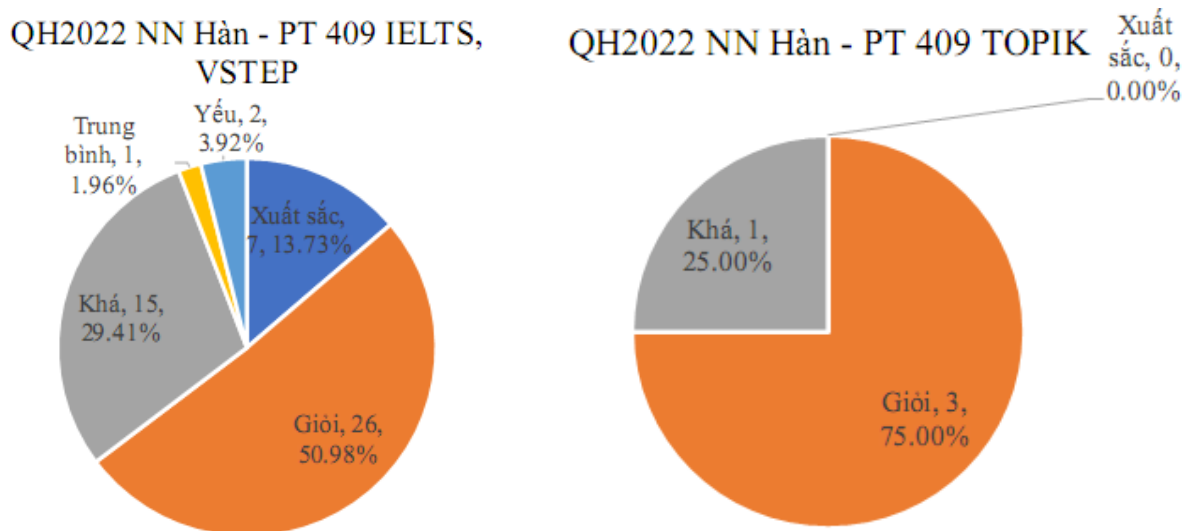


Qua biểu đồ 19, ta thấy tỉ lệ sinh viên đạt loại Giỏi trở lên của đối tượng xét tuyển sớm cao hơn đối tượng xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT. Trong đó, tỉ lệ đạt loại Xuất sắc của các đối tượng xét tuyển sớm dao động từ 12,73% đến 20%, đạt loại Giỏi dao động từ 25% đến 80%, còn tỉ lệ đạt loại Xuất sắc của đối tượng xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT là 6,49%, đạt loại Giỏi là 34,42%.



**Biểu đồ 20**

*So sánh điểm trung bình chung học tập của sinh viên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc xét tuyển bằng chứng chỉ tiếng Anh và tiếng Hàn*



Đối tượng xét tuyển bằng các chứng chỉ ngoại ngữ vào ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc bao gồm thí sinh xét tuyển bằng chứng chỉ tiếng Anh (IELTS, VSTEP) và chứng chỉ tiếng Hàn (TOPIK). Qua biểu đồ 20, ta thấy tỉ lệ thí sinh đạt loại Giỏi trở lên của đối tượng xét tuyển bằng chứng chỉ tiếng Hàn cao hơn đối tượng xét tuyển bằng chứng chỉ tiếng Anh. Trong đó, tỉ lệ sinh viên đạt loại Giỏi trở lên của đối tượng xét tuyển bằng chứng chỉ tiếng Hàn là 75%, tỉ lệ này của đối tượng xét tuyển bằng chứng chỉ tiếng Anh là 64,71%. Tuy nhiên, đối tượng xét tuyển bằng chứng chỉ tiếng Anh có sinh viên đạt loại Xuất sắc (13,73%), còn đối tượng xét tuyển bằng chứng chỉ tiếng Hàn không có sinh viên đạt kết quả này.

**5. Kết luận**

Nghiên cứu này đã so sánh hiệu quả của các phương thức tuyển sinh khác nhau tại ĐHNH, ĐHQGHN, dựa trên kết quả học tập năm thứ nhất của 1.659 sinh viên. Kết quả cho thấy, các sinh viên trúng tuyển bằng phương thức xét tuyển sớm, đặc biệt là những thí sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và chứng chỉ ngoại ngữ, có kết quả học tập vượt trội hơn so với những sinh viên xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT. Điều này thể hiện rõ ở tỷ lệ sinh viên đạt loại Giỏi trở lên cao hơn đáng kể so với phương thức tuyển sinh truyền thống.

Nghiên cứu còn gặp một số hạn chế, bao gồm việc chỉ tập trung chủ yếu vào kết quả học tập trong năm học đầu tiên mà chưa xem xét các yếu tố khác như: động lực học tập, kỹ năng mềm, và khả năng thích nghi trong môi trường đại học khác nhau của sinh viên. Trong các nghiên cứu tương lai, nhóm tác giả sẽ có những phân tích sâu hơn những yếu tố kể trên để có thể có những dự đoán chính xác hơn về những phương thức tuyển sinh phù hợp và các yếu tố quyết định đến sự thành công của sinh viên khi học tập ở bậc đại học. Các yếu tố phi học thuật như: kỹ năng xã hội và khả năng tư duy sáng tạo cũng có thể được xem xét để cung cấp cái nhìn toàn diện hơn về hiệu quả của các phương thức tuyển sinh và đề xuất các hình thức tuyển sinh mới. Việc mở rộng mẫu nghiên cứu và theo dõi tiến trình học tập của sinh viên trong suốt các năm đại học sẽ góp phần củng cố thêm tính chính xác của các kết luận.

**Tài liệu tham khảo**

- Allensworth, E. M., & Clark, K. (2020). High school GPAs and ACT scores as predictors of college completion: Examining assumptions about consistency across high schools. *Educational Researcher*, 49(3), 198-211. <https://doi.org/10.3102%2F0013189X20902110>
- Atkinson, R. C., & Geiser, S. (2009). Reflections on a century of college admissions tests. *Educational Researcher*, 38(9), 665-676. <https://doi.org/10.3102/0013189X09351981>
- Brown, H. D. (2004). *Language assessment: principles and classroom practices*. Pearson/Longman.
- Burton, N., & Ramist, L. (2001). *Predicting success in college: SAT studies of classes graduating since 1980* (College Board Research Report No. 2001-2.). College Board. <https://files.eric.ed.gov/fulltext/ED562836.pdf>
- Camara, W. J., & Kimmel, E. W. (2005). *Choosing students: Higher education admissions tools for the 21st century*. Lawrence Erlbaum Associates, Inc.
- Hoffman, J., & Lowitzki, K. (2005). Predicting College Success with High School Grades and Test Scores: Limitations for Minority Students. *The Review of Higher Education*, 28, 455-474.
- Hughes, A. (2003). *Testing for language teachers*. Cambridge University Press.
- Kobrin, J. L., Patterson, B. F., Shaw, E. J., Mattern, K. D., & Barbuti, S. M. (2008). *The validity of the SAT for predicting first-year college grade point average* (College Board Research Report 2008-5). The College Board.
- Kobrin, J. L., & Patterson, B. F. (2011). Contextual factors associated with the validity of SAT scores and high school GPA for predicting first-year college grades. *Educational Assessment*, 16(4), 207-226. <https://doi.org/10.1080/10627197.2011.635956>
- Soares, J. A. (2012). *SAT wars: The case for test-optional college admissions*. Teachers College Press.
- Zwick, R., & Himelfarb, I. (2011). The effect of high school socioeconomic status on the predictive validity of SAT scores and high school grade-point average. *Journal of Educational Measurement*, 48(2), 101-121. <https://doi.org/10.1111/j.1745-3984.2011.00136.x>